TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2024/HS-ST
Ngày: 29-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN-TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hừng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng

2. Bà Lưu Thị Mỹ Linh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Việt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024, đối với:

Bị cáo Chau H, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1968 tại huyện T, tỉnh An Giang.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm Thuê; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Khmer; con ông Chau H1 và bà Néang Sa A; anh chị em có 05 người, bị cáo là người thứ tư; vợ: Néang Liên; con: Có 05 người con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/11/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phạm Thanh Ái D-Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A (có mặt).

Bị hại: Ông Dương Bé T, sinh năm 1957; nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Bà Néang T1, sinh năm 2002; nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người phiên dịch:

- Ông Kim S, sinh năm 1964, nơi cư trú: Ấp P, xã C, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

- Ông Chau R, sinh năm 1989 – Công tác tại: Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thanh huyện T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 14/11/2023, Chau H uống rượu cùng bạn bè xong đi bộ về ngang nhà của Dương B Tỷ ngụ ấp T, xã N, huyện T, thấy ông T đang nằm võng ngủ trước nhà, cửa nhà đang mở. Hinh lén lút vào nhà lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu trắng của ông T để trên bàn máy vi tính bên phải, rồi đèm về nhà H mở lấy thẻ sim điện thoại ném bỏ và cất giấu điện thoại di động trên tủ thờ. Khi phát hiện bị mất trộm điện thoại, Tỷ trình báo Công an xã N, đến khoảng 19 giờ cùng ngày H ra đầu thú và giao nộp điện thoại lấy trộm.

Ngày 21/11/2023 Chau H bị khởi tố và áp dụng biện pháp tạm giam.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu trắng, đã giao trả cho chủ sở hữu.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐG.TTHS ngày 16/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu trắng có giá trị 4.500.000 đồng.

Căn cứ Kết luận giám định 164/KL-KTHS ngày 02/02/2024 của Phòng K-Công an tỉnh A kết luận:

Trích xuất 14 ảnh từ dữ liệu 01 tập tin video lưu trữ trong dĩa DVD (ký hiệu A) do Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện T gửi giám định, chi tiết thể hiện trong Phụ lục kèm theo.

Kèm theo Kết luận giám định: 01 phụ lục gồm 07 trang A4

Trong quá trình điều tra bị cáo Chau H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại Dương Văn T2 trình bày: Khoảng 14 giờ ngày 14/11/2023 ông T2 để điện thoại di động Iphone 11 Promax màu trắng trên bàn máy vi tính và giăng võng trước cửa nhà nằm ngủ, đến khoảng 15 giờ 20 phút ông T2 thức giấc tìm điện thoại và phát hiện bị mất, mở máy vi tính lên xem camera phát hiện có người vào nhà khi ông T2 ngủ nên trình báo Công an. Điện thoại trên ông mua vào khoảng tháng 3/2023 với giá 11.000.000 đồng tại C, nay đã nhận lại được điện thoại, ông T2 không yêu cầu bồi thường.

Người làm chứng Néang Trang trình bày phù hợp nội dung vụ án: Khoảng 19 giờ ngày 14/11/2023 Lực lượng công an đến nhà tìm Chau H nhưng không có nhà đến khoảng 15 phút sau Chau H về nhà, Néang T1 nói sự việc có Công an đến nhà tìm thì thấy Chau H đi ra lấy cái điện thoại cảm ứng màu trắng để trên bàn thờ nói đi tìm công an giao nộp.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận:

Khoảng 14 giờ 10 phút sau khi uống rượu bị cáo đi bộ trong khu vực ấp T, xã N tìm chỗ đang nhậu để xin vào nhậu cùng thì phát hiện ông T2 đang ngủ trên võng trước cửa nhà và cửa nhà đang mở không có người bên trong nên nảy sinh ý định vào trong nhà tìm tài sản lấy trộm. Bị cáo đi đến chỗ ông T2 ngủ và kêu ông T2 xác định đã ngủ say nên lén lút vào trong nhà nhìn thấy trên bàn máy vi tính bên phải có 02 cái điện thoại để chồng lên nhau nên dùng tay trái lấy cái điện thoại màu trắng phía trên đưa qua tay phải và bỏ vào túi quần sau bên phải đi về nhà tháo thẻ sim vứt bỏ, đến khoảng 19 giờ cùng ngày bị cáo để điện thoại lên bàn thờ trong nhà và đi nhậu tiếp, khoảng 15 phút sau về nhà hay tin Công an đến tìm nên đi đến bàn thờ lấy điện thoại trộm được tìm Công an giao nộp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản và kết luận giám định.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Chau H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như nội dung cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Chau H từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã giao trả 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu trắng cho bị hại là đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại: Do bị hại không có yêu cầu đề nghị không xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa:

Thống nhất nội dung cáo trạng, quan điểm luận tội và các tình tiết giảm nhẹ và quan điểm xử lý vật chứng vị đại diện Viện kiểm sát vừa nêu. Đề nghị Hội

đồng xét xử xem xét áp dụng thêm cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo là người dân tộc khmer sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp nhận thức pháp luật có phần hạn chế xem xét cho bị cáo hưởng mức án 06 tháng tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường, đề nghị không xem xét.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý theo Quyết định truy tố, quan điểm luận tội của Viện kiểm sát và lời bào chữa của người bào chữa không có ý kiến khác.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Sự vắng mặt của bị hại, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho việc xét xử và đã có lời khai được làm rõ tại cơ quan điều tra. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Xét thấy, tại phiên tòa lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời bị cáo đã khai nhận trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đồng thời phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, Bản kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐG.TTHS ngày 16/11/2023, Kết luận giám định 164/KL-KTHS ngày 02/02/2024 và các vật chứng, tài liệu, chứng cứ khác qua điều tra thu giữ được.

Hội đồng xét xử, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 14/11/2023 tại nhà ông Dương Bé T thuộc ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang, bị cáo Chau H đã thực hiện hành vi đột nhập vào nhà lén lút lấy trộm 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu trắng của ông Dương Bé T, trị giá 4.500.000 đồng, nên cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn truy tố bị cáo về tội

“Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nhưng vì tính tham lam thích hưởng lợi trên thành quả lao động của người khác, bị cáo sẵn sàng thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải áp dụng một chế tài hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo sớm trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đầu thú về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn học vấn thấp am hiểu pháp luật có phần hạn chế, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử có cân nhắc xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s, i, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại: Do bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Điều tra đã xử lý và giao trả lại cho bị hại theo Biên bản giao về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 16/11/2023 là phù hợp, nên không xem xét.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Chau H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s, i, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Chau Hinh 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 21-11-2023 (ngày hai mươi mốt, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm hai mươi ba).

Căn cứ vào Điều 136, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Bị cáo Chau H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tri Tôn (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- Cơ quan THAHS, HTTP (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS huyện Tri Tôn (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hừng